

CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 90-NQ/TU ngày 29/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “*Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030*” (sau đây viết là Đề án 06);

Thực hiện Nghị quyết số 90-NQ/TU ngày 29/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết là Nghị quyết số 90),

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Chương trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 90 như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, thể Căn cước công dân gắn chip điện tử trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để phục vụ 5 nhóm tiện ích: (1) Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; (2) Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; (3) Phục vụ công dân số; (4) Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư; (5) Phục vụ chỉ đạo, điều hành lãnh đạo các cấp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Nhóm tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Giai đoạn 2023-2025:

+ Tiếp tục tham gia hoàn thiện thể chế, chính sách để tạo điều kiện phát triển, cung ứng dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư khi có chỉ đạo của Chính phủ, chỉ đạo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và được định danh, xác thực, chia sẻ dữ liệu dân cư.

+ 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ 100% người dân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp được định danh, xác thực điện tử trên hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an đã kết nối, tích hợp với cổng dịch vụ công quốc gia; không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ về dân cư đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân được lưu trữ điện tử với số định danh cá nhân là một thông tin bắt buộc phục vụ cho kết nối, chia sẻ, tái sử dụng.

+ 50% mẫu đơn, tờ khai có thông tin công dân được chuẩn hóa thống nhất theo yêu cầu từ dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính về cư trú, hộ tịch, xuất nhập cảnh, cấp Căn cước công dân.

+ Tối thiểu 50% thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến dân cư được cắt giảm, đơn giản hóa so với thời điểm ban hành Đề án 06.

+ 90% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước).

+ 100% hồ sơ về dân cư được tạo, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

+ Triển khai hoạt động Tòa án điện tử khi Bộ, ngành Trung ương đã hoàn thành việc kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với hệ thống quản lý án điện tử của Tòa án nhân dân để xác minh định danh điện tử đối với thông tin liên quan đến đương sự, bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng hoặc xác minh thông tin chứng cứ của vụ án.

- Giai đoạn 2025-2030:

+ 70% mẫu đơn, tờ khai có thông tin công dân được chuẩn hóa thống nhất theo yêu cầu từ dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ 100% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp tỉnh; 100% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện và 80% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước).

+ Hoàn thiện hệ sinh thái số trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến gắn với chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm thông tin, dữ liệu điện tử chỉ cần cung cấp, số hóa một lần, với việc khai thác có hiệu quả định danh điện tử của hệ thống định danh và xác thực điện tử do Bộ Công an cung cấp.

+ Duy trì, phát triển, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin, các ứng dụng dịch vụ, dữ liệu liên quan đến dân cư.

+ Triển khai các hoạt động hợp tác, đa dạng hóa nguồn lực trong xây dựng, phát triển và cung cấp các ứng dụng dịch vụ liên quan đến dân cư.

+ Tổ chức triển khai công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; tập trung đào tạo nguồn nhân lực có trình độ công nghệ thông tin.

+ Cập nhật, đổi mới phương thức tuyên truyền, phổ biến, phổ cập kỹ năng số đối với các tiện ích, dịch vụ liên quan đến dân cư cho mọi thành phần xã hội.

+ Đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư trong quản lý nhà nước của các ngành, địa phương và phục vụ giao dịch dân sự, kinh tế.

b) Nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế - xã hội:

- Năm 2023:

+ Tiếp tục tham gia nghiên cứu quy định của pháp luật đảm bảo pháp lý để triển khai thực hiện ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử vào công tác chuyển đổi số góp phần xây dựng phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Nghiên cứu triển khai thí điểm việc ứng dụng các tính năng của chip điện tử trên thẻ Căn cước công dân đối với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

+ Triển khai các nhiệm vụ phục vụ nâng cấp, hoàn thiện hệ thống định danh và xác thực điện tử; nghiên cứu mở rộng việc ứng dụng hệ thống trong các giao dịch điện tử phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

+ Tích hợp, phát triển các ứng dụng trên nền tảng hệ thống định danh và xác thực điện tử với các ứng dụng cốt lõi như: Ví điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, chứng khoán, nhận biết khách hàng, cho vay... và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

+ Triển khai hiệu quả ứng dụng di động công dân số từ VNeID trên cơ sở mở rộng tích hợp các thông tin, dịch vụ y tế, bảo hiểm, giấy phép lái xe, ngân hàng, thanh toán điện tử, ứng cứu khẩn cấp, phản ánh hiện trường, tố giác tội phạm,...

- Giai đoạn 2024-2025: Dữ liệu dân cư được xác thực thông qua việc định danh và xác thực thông tin dân cư mức độ định danh có đảm bảo yếu tố sinh trắc học phục vụ hoàn thiện hệ sinh thái các ứng dụng số, tiện ích phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

- Giai đoạn 2026-2030: Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để duy trì vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử; mô hình định danh xác thực điện tử bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với chuỗi giá trị ký số điện tử, hợp đồng điện tử, định danh điện tử tạo nên nền tảng chính phủ số với giá trị mới được tạo ra phục vụ công dân số.

c) Nhóm tiện ích phục vụ công dân số năm 2023 và các năm tiếp theo:

+ Phấn đấu đạt chỉ tiêu Bộ Công an giao cấp tài khoản định danh điện tử hàng năm để sử dụng các tiện ích trên ứng dụng VNeID và xây dựng hệ sinh thái cung cấp DVC, dịch vụ thương mại điện tử, nền tảng thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và thay thế các loại giấy tờ của công dân trong các giao dịch điện tử.

+ Đảm bảo 100% các giao dịch của công dân số được định danh, ký số, xác thực, các hợp đồng điện tử được định danh, ký số.

d) Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư năm 2023 và các năm tiếp theo:

Bảo đảm tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu các bộ, ngành bảo đảm thông suốt, hoạt động hiệu quả.

2. Yêu cầu

2.1. Triển khai, thực hiện phải bám sát Đề án 06, Nghị quyết số 90 và các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương.

2.2. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, làm mục tiêu, động lực trong triển khai thực hiện Đề án 06; tăng cường cung cấp dịch vụ chất lượng, phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp; minh bạch hóa và huy động sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào hoạt động của cơ quan nhà nước. Người dân chỉ phải cung thông tin, giấy tờ một lần cho các cơ quan nhà nước khi thực hiện các thủ tục hành chính.

2.3. Xác định dữ liệu dân cư là dữ liệu gốc, các cơ sở dữ liệu khác liên quan đến công dân đã, đang và sẽ xây dựng phải căn cứ vào dữ liệu gốc và có sự kết

nổi, chia sẻ bảo đảm tiết kiệm, tránh lãng phí, tạo ra các giá trị mới. Quá trình thực hiện phải đảm bảo các quy định về an ninh, an toàn hệ thống và dữ liệu từ tỉnh đến cơ sở.

2.4. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương để chỉ đạo thực hiện nhằm phát huy hiệu quả, khắc phục những hạn chế, yếu kém và để đạt yêu cầu, mục tiêu Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành; nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức, đơn vị và tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức, trước hết là người đứng đầu trong công tác tổ chức, triển khai thực hiện Đề án 06

1.1. Chính quyền các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp tục quán triệt sâu sắc, triển khai thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ về Đề án 06 đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trọng tâm là: Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án 06; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án 06 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án 06 năm 2023; Công văn số 1231/UBND-NC ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh về việc đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 theo Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh,...

1.2. Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp; rà soát, đưa nội dung chỉ đạo công tác triển khai thực hiện Đề án 06 vào chương trình công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị; xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

1.3. Người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị phải gương mẫu đi đầu và chịu trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Đề án 06. Xác định kết quả thực hiện là một nội dung trong kiểm điểm, đánh giá,

phân loại cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu.

1.4. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phải chủ động, tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Đề án 06; có trách nhiệm tuyên truyền, vận động người thân, Nhân dân đồng thuận, tham gia thực hiện; xác định việc thực hiện Đề án 06 là một nội dung quan trọng, quyết định đến việc thực hiện thành công các mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.

1.5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, kiên quyết xử lý theo quy định những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, tự ý đặt ra thủ tục hành chính không đúng quy định hoặc dể chậm, muộn hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

1.6. Định kỳ, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về Đề án 06 để kịp thời khắc phục và đề ra những nhiệm vụ, giải pháp tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả.

2. Công tác hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư

2.1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động và trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương để nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là các cơ chế, chính sách pháp luật liên quan đến quản lý dân cư theo Đề án 06 và đề xuất kiến nghị sửa đổi theo hướng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, làm giàu dữ liệu và các tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp. Việc tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật phải cụ thể về mục tiêu, tiêu chí, cách thức thực hiện, phạm vi rà soát, phù hợp với tình hình, tiến độ triển khai Đề án 06 và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương ban hành có nội dung không phù hợp với việc triển khai, thực hiện Đề án 06, hoàn thiện các phương án đề xuất sửa đổi và chủ động ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế theo thẩm quyền đáp ứng các yêu cầu về tiến độ, chất lượng về rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

3. Nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện nhóm tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

3.1. Thường xuyên rà soát, đánh giá tổng thể hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, an toàn, an ninh thông tin theo văn bản hướng dẫn của Trung ương; bổ sung, trang bị các thiết bị đầu cuối cần thiết, đề nghị cấp

có thẩm quyền hỗ trợ triển khai, cung cấp giải pháp bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai Đề án 06 và chuyển đổi số trong thời gian thực hiện các thủ tục liên quan đến đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

3.2. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành có nội dung liên quan đến phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến để nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chính sách miễn, giảm theo đúng quy định pháp luật, nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện.

3.3. Rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai theo hướng cắt giảm các thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa, phần đầu đạt tỷ lệ theo lộ trình.

3.4. Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến được định kỳ công bố công khai, gắn trách nhiệm người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Các cơ quan, đơn vị, địa phương cần đánh giá toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực cơ quan, đơn vị quản lý đã được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia, để lựa chọn những dịch vụ công thiết thực, tần suất sử dụng cao gắn liền nhu cầu hàng ngày của người dân, doanh nghiệp, có đầy đủ các điều kiện để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiến tới cung cấp các ứng dụng (apps) thủ tục hành chính để người dân, doanh nghiệp tương tác trực tuyến hiệu quả với chính quyền.

3.5. Tập trung chuyển đổi quy trình, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công từ phương thức truyền thống sang môi trường điện tử; thực hiện nghiêm việc ký số, gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử tại các cấp chính quyền; chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ; xây dựng các biểu mẫu điện tử, phần mềm chuyên dụng, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu kho dữ liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp không phải cung cấp lại các thông tin đã có.

3.6. Tập trung nguồn lực đẩy mạnh xây dựng, cập nhật, kết nối, liên thông các nền tảng số, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành đồng bộ, thực chất, hiệu quả, không để tình trạng “manh mún”, “cát cứ thông tin”, “chia cắt” và “co cụm dữ liệu”.

3.7. Rà soát nhu cầu đào tạo cụ thể về kỹ năng sử dụng công nghệ tin và chuyên môn, nghiệp vụ của các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, để tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ gắn với yêu cầu chuyển đổi số bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

3.8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền; thành lập các tổ công tác, trong đó lấy nòng cốt là lực lượng Đoàn viên, Hội phụ nữ, Người có uy tín tại các cấp chính

quyền, đặc biệt tại các thôn, xóm, tổ dân phố, khu dân cư trong hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, dần hình thành thói quen thực hiện giao dịch trên môi trường điện tử nhằm hướng đến mục tiêu từ “làm thay, làm hộ” sang “hỗ trợ, hướng dẫn”.

4. Nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế, xã hội

4.1. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị để tuyên truyền triển khai quyết liệt việc sử dụng các tiện ích từ ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thẻ Căn cước công dân gắn chip; định danh và xác thực điện tử thay thế các hồ sơ giấy đối với các lĩnh vực tài chính, ngân hàng và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác theo quy định của pháp luật, gắn trực tiếp với quyền lợi của người dân như: Dịch vụ công, thanh toán không dùng tiền mặt, chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt trong thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng thụ hưởng bằng nguồn ngân sách nhà nước; khám chữa bệnh, khai báo lưu trú, kiến nghị phản ánh, lý lịch tư pháp... và phục vụ công tác quản lý Nhà nước.

4.2. Tận dụng nguồn lực, hạ tầng sẵn có để người dân được hưởng những tiện ích từ Đề án 06, cụ thể là việc phối hợp triển khai các mô hình điểm theo hướng dẫn của Trung ương, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tuân thủ nghiêm, chặt chẽ quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật, không để xảy ra thất thoát, lãng phí trong quá trình thực hiện.

4.3. Tăng cường trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với các đơn vị, địa phương; tiếp thu phản ánh, kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp để kịp thời đề xuất tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

5. Nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện nhóm tiện ích phục vụ công dân số

Chủ động, tích cực trong việc tạo công cụ, điều kiện (thu nhận hồ sơ cấp Căn cước công dân và tài khoản định danh điện tử có tích hợp, xác thực, hiển thị các thông tin, giấy tờ cá nhân theo quy định cho 100% nhân khẩu đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh) làm nền tảng, tiền đề phục vụ phát triển công dân số; tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp được tham gia các hoạt động của chuyển đổi số (dịch vụ y tế, bảo hiểm, giấy phép lái xe, ngân hàng, thanh toán điện tử, ứng cứu khẩn cấp, phản ánh hiện trường, tố giác tội phạm,...) trên cơ sở huy động lực lượng, thiết bị hỗ trợ và được duy trì thường xuyên. Trong đó người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải gương mẫu tiên phong đi đầu trong thực hiện, đồng thời chỉ đạo, quán triệt đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia.

6. Nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện nhóm tiện ích hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư

6.1. Duy trì đảm bảo kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thường xuyên nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ tỉnh Tuyên Quang (LGSP) đảm bảo kết nối liên thông với các Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành; hoàn thành xây dựng, triển khai Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC).

6.2. Chủ động bố trí nguồn lực để duy trì thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư luôn “đúng, đủ, sạch, sống”. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó phát huy vai trò Tổ công tác Đề án 06 cấp huyện, cấp xã, đến các thôn, xóm, tổ dân phố, khu dân cư trong thường xuyên thu thập, thống kê, rà soát, cập nhật các dữ liệu theo hướng dẫn từng bộ, ngành Trung ương (ngành dọc) trên cơ sở lấy Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là dữ liệu gốc, trong đó giao chỉ tiêu cụ thể theo lộ trình để đảm bảo đúng tiến độ và người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về công tác làm sạch dữ liệu, công tác đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống dữ liệu theo chức năng, thẩm quyền.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

1.1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phạm vi quản lý có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ nêu tại Chương trình này; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Đề án 06 của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

1.2. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Chương trình cùng với báo cáo đánh giá kết quả định kỳ công tác triển khai thực hiện Đề án 06, gửi Công an tỉnh tổng hợp chung.

2. Công an tỉnh:

2.1. Phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình này và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về Đề án 06; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Bộ Công an, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2.2. Duy trì dữ liệu công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được "đúng, đủ, sạch, sống" và 100% số công dân đủ điều kiện trên địa bàn được cấp Căn cước công dân, cấp tài khoản định danh điện tử. Tham mưu triển khai các giải pháp ứng dụng hiệu quả các tiện ích trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Căn cước công dân, hệ thống định danh và xác thực điện tử.

2.3. Tăng cường phối hợp các sở, ngành xác thực dữ liệu dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để làm sạch dữ liệu và kết nối,

chia sẻ phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo chỉ đạo bộ, ngành Trung ương (ngành dọc).

3. Sở Thông tin và Truyền thông:

3.1. Bảo đảm hạ tầng, đường truyền kết nối; quản lý, duy trì, vận hành, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đáp ứng yêu cầu kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống định danh và xác thực điện tử với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, đồng thời phối hợp hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và công tác quản lý nhà nước; phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

3.2. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị liên quan rà soát, đánh giá an toàn thông tin mạng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đảm bảo khắc phục những hạn chế, bất cập về lỗ hổng bảo mật, tình trạng lộ lọt thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3.3. Phối hợp với Công an tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị có liên quan hướng dẫn trong việc phát triển các tiện ích trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Căn cước công dân, hệ thống định danh và xác thực điện tử.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh thực hiện và chỉ đạo các đơn vị, tổ chức trực thuộc tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa, mục tiêu, nội dung của Đề án 06, Nghị quyết số 90 và Chương trình này ; phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, phản ánh với Ủy ban nhân dân tỉnh (gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp chung) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an (Cục C06);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thành phố;
- Chánh VP, PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Các phòng, đơn vị thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (P.Hà).

Báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn

